

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÚP SINH VIÊN NGÀNH “GIÁO DỤC TIỂU HỌC” TIẾP CẬN ĐÁNH GIÁ THEO NĂNG LỰC Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐIỆN BIÊN

HOÀNG THÁI SƠN - PHẠM LAN ANH - NGUYỄN THỊ NGHĨA\*

Ngày nhận bài: 17/07/2016; ngày sửa chữa: 27/07/2016; ngày duyệt đăng: 27/07/2016.

**Abstract:** Competency-based assessment is a common of many countries in the world. In Vietnam, this teaching method is an urgent requirement to improve the quality of education. This article refers to measures to help Primary Education at Dien Bien College of education to approach this assessment in order to overcome existing difficulties to meet requirement of education reform today.

**Keywords:** Competency - based assessment, Primary Education student, competency.

Kiểm tra, đánh giá (ĐG) là một khâu của quá trình giáo dục, có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục. Đổi mới kiểm tra, ĐG theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL) người học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển là một trong những giải pháp đổi mới của ngành giáo dục nước ta nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của xã hội. Hiện nay, chúng ta đang thực hiện quan điểm *giáo dục hướng vào người học*. Với quan điểm này, ĐG kết quả giáo dục phải hướng tới việc sau khi học, người học có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường vào cuộc sống, chứ không chỉ đánh giá từng đơn vị kiến thức, kỹ năng riêng rẽ. Đó chính là mục tiêu chủ yếu của ĐG theo TCNL.

Với sứ mệnh là nơi đào tạo đội ngũ giáo viên, các trường cao đẳng sư phạm có nhiệm vụ hình thành phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV), trong đó có năng lực đánh giá học sinh (HS) theo TCNL.

## 1. Đánh giá theo tiếp cận năng lực

**1.1. Năng lực.** “Năng lực là khả năng thực hiện thành công hoạt động trong một bối cảnh nhất định nhờ sự huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí, ... Năng lực của cá nhân được ĐG qua phương thức và kết quả hoạt động của cá nhân đó khi giải quyết các vấn đề của cuộc sống” [1].

Theo Đặng Thành Hưng, “Năng lực (competency) là thuộc tính cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Thuộc tính đó thể hiện ở tổ hợp những hành động vật chất và tinh thần tương ứng với dạng hoạt động nhất định dựa vào những đặc điểm cá nhân (sinh học, tâm lý và giá trị xã hội) được thực hiện tự giác và dẫn đến kết quả phù hợp với trình độ thực tế của hoạt động” [2].

Như vậy, tuy cách mô tả, diễn đạt có khác nhau, nhưng hầu hết các định nghĩa khái niệm năng lực đều khẳng định *kiến thức, kỹ năng, thái độ* là 3 chất liệu quan trọng để hình thành năng lực tương ứng trên cơ sở rèn luyện, trải nghiệm hoạt động nhất định.

**1.2. Đánh giá theo tiếp cận năng lực.** Xét về mục tiêu chủ yếu nhất thì ĐG theo TCNL hay ĐG theo năng lực là ĐG khả năng người học áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào trong các tình huống thực tiễn của cuộc sống hàng ngày. ĐG năng lực được coi là bước phát triển cao hơn so với ĐG kiến thức, kỹ năng. Điều quan trọng hơn cả khi ĐG theo năng lực người học chính là ĐG khả năng vận dụng, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, thực tế và phát triển tư duy bậc cao (phân tích, tổng hợp, ĐG) của người học chứ không phải dừng lại ở mức độ ĐG phân hóa riêng rẽ các phương diện kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Để chứng minh người học có năng lực ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội để họ được giải quyết vấn đề trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn. Khi đó người học vừa phải vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học ở nhà trường, vừa phải dùng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (trong gia đình, cộng đồng và xã hội). Như vậy, thông qua việc hoàn thành một nhiệm vụ trong bối cảnh thực, người ta có thể đồng thời ĐG được cả khả năng nhận thức, kỹ năng thực hiện và những giá trị, tình cảm của người học.

ĐG năng lực không hoàn toàn phải dựa vào chương trình giáo dục môn học như ĐG kiến thức, kỹ năng bởi năng lực là sự tổng hòa, kết tinh kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức, ... được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên

## 2. Những bất cập trong phát triển kỹ năng ĐG theo TCNL ngành “Giáo dục Tiểu học” Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên

**2.1. Chưa xác định rõ “triết lý ĐG”,** đó là: ĐG để làm gì, tại sao phải ĐG, ĐG nhằm thúc đẩy, hình thành khả năng gì ở người học?... Hiện nay, nhiều giảng viên (GV), các cán bộ quản lý giáo dục chưa thấu hiểu triết lý ĐG, chủ yếu mới chỉ tập trung vào ĐG kết quả học tập để xếp loại người học... GV cũng gặp rất nhiều khó khăn khi phải ĐG các hoạt động giáo dục (không biết ĐG các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ĐG đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống như thế nào...). GV mới chỉ ĐG ở mức kiểm tra sự học thuộc bài (ghi nhớ), làm lại theo các kiểu, dạng bài mẫu thầy cô đã cho...

**2.2. Nội dung, chương trình đào tạo chậm được đổi mới.** Để thực hiện được mục tiêu chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, các sở đào tạo giáo viên phải đi đầu trong việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm hình thành phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên tương lai. Tuy nhiên, nội dung, chương trình đào tạo các ngành nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng ở nhiều trường sư phạm hiện nay vẫn chưa được đổi mới theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện. Nội dung, chương trình chưa hợp lý, còn nặng về cung cấp kiến thức lý thuyết hàn lâm. Các học phần giảng dạy được xây dựng nội dung dựa trên khung chương trình của Bộ GD-ĐT ban hành. Thậm chí việc đào tạo ở trường sư phạm chưa theo kịp với sự thay đổi thực tiễn ở phổ thông. Ví dụ: khi triển khai mô hình trường học mới VNEN, các trường tiểu học được triển khai và thực hiện thí điểm ở một số trường; trong khi đó các trường cao đẳng sư phạm được dự giờ và tiếp cận sau mô hình này. Khi mô hình đã được triển khai ở rất nhiều tỉnh thành mới có lớp tập huấn cho GV các trường vào tháng 3/2016 tại Hà Nội. Các trường cao đẳng sư phạm tiếp cận mô hình trường học mới VNEN sau trường tiểu học, điều đó khiến cho việc đào tạo thay đổi chậm hơn so với sự thay đổi ở thực tiễn.

**2.3. SV chưa được trang bị và cập nhật kịp thời các kiến thức về đổi mới ĐG giáo dục ở tiểu học.** Trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên hiện nay, việc trang bị cho SV các kiến thức về kiểm tra, ĐG được thực hiện chủ yếu thông qua các học phần về phương pháp dạy học bộ môn (Phương pháp dạy học Toán, Phương pháp dạy học Tiếng Việt,...); thực hành thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên;... Tuy nhiên, đề cương chi tiết cũng như giáo trình mà các trường sử dụng để giảng dạy các học phần này đã bộc lộ rõ sự bất cập. Việc trang bị những kiến thức về kiểm tra, ĐG cho SV vẫn dựa trên quan điểm tiếp cận nội dung. Trường chưa xây dựng lại đề cương chi tiết

cho các học phần này, chưa tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu để giảng dạy theo quan điểm đổi mới (ĐG theo tiếp cận năng lực). Vì vậy, SV ra trường còn thiếu các kiến thức về đổi mới giáo dục, trong đó có đổi mới về kiểm tra, ĐG.

**2.4. Ý thức rèn nghề nói chung và rèn kỹ năng kiểm tra, ĐG nói riêng của SV chưa cao:** SV vẫn còn nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động rèn nghề nói chung và rèn kỹ năng ĐG HS nói riêng. Nhiều SV chưa ý thức được trách nhiệm của mình trong việc hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp. Tình trạng SV lười học, học “thụ động”, học “đôi phở” vẫn xảy ra không ít. Phần lớn SV vẫn còn chưa chú trọng đến việc cập nhật các kiến thức mới của ngành; chưa tìm hiểu thêm các kênh thông tin hiện đại hiện nay như Internet, các thông tư mới của ngành...

**2.5. GV còn lúng túng khi phát triển kỹ năng kiểm tra, ĐG theo TCNL cho SV.** ĐG theo TCNL là vấn đề còn khá mới mẻ đối với giáo dục Việt Nam. Bản thân GV cũng là sản phẩm của phương pháp đào tạo cũ (đào tạo theo tiếp cận nội dung) nên họ cũng chưa được trải nghiệm về kiểm tra, ĐG theo TCNL. Mặt khác, một số GV hiện nay chưa tích cực, chủ động trong cập nhật các vấn đề về đổi mới giáo dục, trong đó có đổi mới về kiểm tra, ĐG. Phương pháp dạy học; kiểm tra, ĐG của một số GV chậm được đổi mới, thậm chí còn lạc hậu so với phổ thông. Cán bộ quản lý cũng chưa tạo động lực mạnh mẽ để GV phải đổi mới công tác đào tạo.

## 3. Giải pháp phát triển kỹ năng ĐG HS theo TCNL cho SV ngành Giáo dục Tiểu học

**3.1. Nâng cao hiểu biết của các cấp quản lý giáo dục và đặc biệt là GV về “triết lý ĐG”.** Trường, các phòng, khoa, tổ cần giúp GV hiểu được triết lý về ĐG: ĐG phải vì sự tiến bộ của HS; ĐG là quá trình học tập; ĐG về kết quả học tập. Cụ thể:

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn về cách ĐG theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/3/2014 của Bộ GD-ĐT về ĐG HS tiểu học trên nhiều phương diện. ĐG toàn bộ quá trình HS tham gia học tập thông qua 3 nội dung cơ bản: ĐG quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập, ĐG sự hình thành và phát triển một số năng lực của HS, ĐG sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của HS. Như vậy, ĐG HS tiểu học là ĐG toàn bộ quá trình HS tham gia học tập tại nhà trường thể hiện ở rất nhiều năng lực chứ không phải chỉ dựa trên kết quả của bài kiểm tra.

- Chỉ đạo GV sử dụng đa dạng các hình thức ĐG: ĐG bằng trắc nghiệm, viết tự luận, sản phẩm, hồ sơ HS, vấn đáp, thảo luận/tranh luận thông qua tương tác của nhóm, thông qua các sản phẩm của nhóm...

**3.2. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng TCNL thực hiện:** Chú trọng các môn học có

thế mạnh trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp; tăng cường các môn thực hành nghề, giảm bớt các môn lí thuyết, các kiến thức hàn lâm; đổi mới hoạt động thực hành và thực tập sư phạm; đổi mới phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, ĐG kết quả học tập nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Đề cương chi tiết các học phần, nhất là các học phần có liên quan trực tiếp đến việc hình thành năng lực ĐG cho SV như Tâm lí học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học, ĐG kết quả giáo dục ở tiểu học... phải được xây dựng lại theo tiếp cận năng lực. Hàng năm, đề cương chi tiết các học phần được chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn. Tăng cường tiết thực hành và bổ sung số tiết xuống trường thực hành để tiếp cận với thực tế. Tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu về kiểm tra ĐG theo TCNL nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong giảng dạy và học các học phần tương ứng.

**3.3. Trang bị cho SV các kiến thức về kiểm tra, ĐG theo TCNL.** Kiến thức là cơ sở cho sự hình thành kĩ năng. Muốn hình thành kĩ năng, trước hết người học cần nắm vững hệ thống các kiến thức có liên quan đến sự hình thành kĩ năng đó. Vì vậy, để hình thành kĩ năng ĐG theo TCNL, cần tổ chức cho SV nắm vững những kiến thức cơ bản về kiểm tra, ĐG, giúp SV hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới kiểm tra, ĐG; hiểu rõ triết lí ĐG, nội dung ĐG; nắm vững phương pháp, kĩ thuật ĐG. Đồng thời, tổ chức cho SV nghiên cứu, quán triệt, cập nhật các văn bản hiện hành quy định về công tác đào tạo, ĐG HS tiểu học như Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/3/2014 của Bộ GD-ĐT, chương trình tổng thể giáo dục phổ thông sau năm 2015 và các văn bản khác có liên quan.

**3.4. Đổi mới hoạt động rèn nghề nói chung và rèn kĩ năng ĐG nói riêng.** Hình thành kĩ năng ĐG cho SV chính là hình thành phương pháp và kĩ thuật ĐG. Những kĩ năng thành phần này phải được thiết kế đưa vào đề cương chi tiết của học phần tương ứng. Trong quá trình phát triển kĩ năng ĐG cho SV, GV cần chú trọng:

- Giúp SV xác định rõ nội dung ĐG HS tiểu học (bao gồm những năng lực gì).

- Xây dựng quy trình và tổ chức rèn luyện cho SV theo từng kĩ năng thành phần như: xác định các tiêu chí về năng lực của HS tiểu học; xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra theo từng môn học ở tiểu học để ĐG năng lực chuyên biệt của HS; quan sát và thu thập các thông tin định tính (thái độ, sự sáng tạo, vượt khó, thích ứng, quản lí bản thân...); nhận xét, sửa lỗi, ĐG ưu khuyết điểm của HS; hướng dẫn HS tự ĐG...

- Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như: phương pháp tình huống, sắm vai, dạy học dự án, dạy học vi mô... trong quá trình rèn kĩ năng ĐG cho SV.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ sở đào tạo với các trường tiểu học nhằm tổ chức cho SV thực hành rèn

nghề và phát triển năng lực ĐG một cách thường xuyên trong môi trường thực là trường tiểu học.

**3.5. Hình thành cho SV động cơ và ý thức tích cực trong việc rèn nghề nói chung và rèn kĩ năng ĐG nói riêng.** Đây là biện pháp quan trọng nhằm kích thích yếu tố bên trong giúp SV nỗ lực khắc phục những khó khăn, nâng cao hiệu quả hoạt động rèn nghề. Những biện pháp cụ thể bao gồm: - Giúp SV nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển kĩ năng ĐG HS theo TCNL; - Hình thành nhu cầu và hứng thú rèn luyện cho SV; - Tạo môi trường thuận lợi để SV tiến hành rèn luyện; - Bồi dưỡng thái độ tích cực trong rèn luyện phát triển năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực kiểm tra, ĐG nói riêng cũng chính là góp phần giáo dục cho SV tình cảm yêu nghề, yêu trẻ, gắn bó với sự nghiệp giáo dục.

**3.6. Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập theo định hướng phát triển năng lực qua các học phần đào tạo.** Đánh giá năng lực không hoàn toàn dựa vào chương trình giáo dục môn học như ĐG kiến thức, kĩ năng, bồi dưỡng là tổng hòa, kết tinh kiến thức, kĩ năng, thái độ, tình cảm, chuẩn mực đạo đức... được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người. Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo SV ngành Giáo dục tiểu học hoàn toàn có thể xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập theo định hướng phát triển năng lực để ĐG SV qua các học phần đào tạo. Hệ thống câu hỏi, bài tập này phần nào đã ĐG được một số năng lực của SV. Trên cơ sở được ĐG SV sẽ có cái nhìn bao quát khi đánh giá HS tiểu học ở các phương diện khác nhau.

**3.7. Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV.** Tổ chức cho GV tìm hiểu, nghiên cứu về đổi mới giáo dục trong đó có đổi mới về kiểm tra, ĐG theo TCNL; cử GV tham gia các khóa tập huấn về đổi mới kiểm tra, ĐG; tổ chức hội thảo khoa học, khuyến khích những nghiên cứu khoa học về kiểm tra, ĐG theo TCNL. Các tổ bộ môn tổ chức những buổi sinh hoạt chuyên môn trao đổi, thảo luận về các năng lực, phẩm chất kĩ năng mà HS cần đạt được. Tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện kiểm tra, ĐG theo TCNL người học: theo các hình thức ra đề, kiểm tra; theo thời gian. Nhà trường phải liên kết với các trường thực hành và các trường tiểu học trên địa bàn tổ chức tốt các buổi dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giữa các GV trong trường sư phạm với các giáo viên ở các trường tiểu học. Bản thân mỗi GV được tiếp cận từ thực tiễn, nâng cao năng lực chuyên môn cho mình.

\* \* \*

Các giải pháp phát triển kĩ năng ĐG HS theo TCNL cho SV ngành Giáo dục Tiểu học nêu trên sẽ giúp cho việc đào tạo SV đáp ứng với nhu cầu thực tiễn. Để thực hiện tốt chủ trương này, cần có các giải pháp đồng bộ từ việc đổi mới

(Xem tiếp trang 280)

Sự tham gia chiến đấu của những người phụ nữ miền Nam dựng lên thế trận liên hoàn, trùng điệp của cuộc chiến tranh có nhân dân ở khắp nơi, khiến giặc Mĩ không thể biết được kẻ thù của mình ở đâu. Chính sự tham gia của phụ nữ là một trong những nguyên nhân cơ bản, khiến đế quốc Mĩ bị sa lầy trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam vì không hoàn thành được mục tiêu bình định và tiêu diệt quân giải phóng.

Những đóng góp lớn của phụ nữ miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ làm thay đổi quan niệm về vai trò của giới nữ. Phụ nữ không còn lệ thuộc vào người đàn ông trong gia đình và có vai trò thứ yếu trong xã hội nữa. Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước cho thấy phụ nữ miền Nam có thể làm tốt những công việc của nam giới, minh chứng rõ nhất cho sự bình đẳng nam, nữ không chỉ là khả năng chiến đấu của họ như một người lính thực thụ mà còn có khả năng lãnh đạo, chỉ huy trong chiến đấu. Tiêu biểu cho người phụ nữ thời bấy giờ là Nguyễn Thị Định, Phó tổng tư lệnh lực lượng vũ trang miền Nam - người có vai trò chủ chốt trong chiến lược và chiến thuật chiến tranh ở miền Nam. Chưa bao giờ danh hiệu dũng sĩ diệt Mĩ, anh hùng lực lượng vũ trang là nữ nhiều như thời kì kháng chiến chống Mĩ. Đó là sự ghi nhận, vinh danh những đóng góp, hi sinh của phụ nữ miền Nam,

xứng đáng với 8 chữ vàng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng “*Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*”.

\*\*\*

“*Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*” là truyền thống của người phụ nữ, được hình thành trong lịch sử Việt Nam. Truyền thống đó được tiếp nối và phát huy cao nhất trong sự nghiệp kháng chiến chống đế quốc Mĩ, là nhân tố quyết định làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam. Chính sức mạnh của lòng yêu nước, căm thù quân giặc giúp người phụ nữ miền Nam thiết lập trên thực tế sự bình đẳng nam nữ, thoát khỏi thân phận nô lệ, trở thành thành viên của tập thể những người lao động làm chủ xã hội, làm chủ đất nước. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Hùng (2011). *Hồ sơ tội ác của đế quốc Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam*. NXB Đồng Nai.
- [2] Tổ sử phụ nữ Nam bộ (1989). *Truyền thống cách mạng của phụ nữ Nam bộ thành đồng*. NXB Xi nghiệp in tổng hợp (Liksin), TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Thị Thập (1981). *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam* (tập 2). NXB Phụ nữ.
- [4] Hồ Chí Minh (1980). *Về giáo dục thanh niên*. NXB Thanh niên.
- [5] Phạm Đình Nghiệp (2000). *Giáo dục lí tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình mới*. NXB Thanh niên.

## Một số giải pháp giúp sinh viên...

(Tiếp theo trang 241)

quản lí đến đổi mới nội dung, phương pháp và đổi mới quá trình tổ chức, định hướng của GV nhằm đào tạo đội ngũ GV có năng lực nghề nghiệp vững vàng. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (Trong chương trình giáo dục phổ thông mới).
- [2] Đặng Thành Hưng (2012). *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Quản lí giáo dục, số 43, tr 12.
- [3] Nguyễn Công Khanh (2013). *Xây dựng khung năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông sau 2015*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 95.
- [4] Nguyễn Thị Quốc Minh (2014). *Khái niệm đánh giá theo năng lực và những hình thức đánh giá theo năng lực trong dạy học Ngữ văn*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 42.
- [5] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu hội thảo xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh*.
- [6] Bộ GD - ĐT (2014). Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/3/2014 của Bộ GD-ĐT về đánh giá học sinh tiểu học.

## Thiết kế và sử dụng bài tập...

(Tiếp theo trang 269)

và cuối cùng có thể tự thiết kế được BTTHTN. Hai quy trình trên sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho GV khi dạy học **Sinh học 11** nói chung và phần “*Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở thực vật*” nói riêng. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (1998). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội.
- [2] Phan Đức Duy (2012). *Rèn luyện kĩ năng tư duy cho học sinh thông qua bài tập thực hành thí nghiệm Sinh học*. Tạp chí Giáo dục, số 294, tr 47-49.
- [3] Trương Xuân Cảnh (2015). *Xây dựng và sử dụng bài tập để phát triển năng lực thực nghiệm cho học sinh trong dạy học Sinh học cơ thể thực vật – Sinh học 11 trung học phổ thông*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Thu Huyền (2015). *Rèn luyện kĩ năng tư duy logic cho học sinh trong dạy học phần tiến hóa sinh học 12 trung học phổ thông*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Đinh Quang Báo - Nguyễn Đức Thành (2001). *Lí luận dạy học Sinh học – Phần đại cương*. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Thành Đạt (tổng chủ biên) - Lê Đình Tuấn (chủ biên) - Nguyễn Như Khanh (2007). *Sinh học 11*. NXB Giáo dục.